

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 08-9-2022

V/v: Xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Kiện

2. Ông Nhâm Đức Hùng

Thư ký phiên tòa: Ông Lý Văn Toán – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Ông Lâm Sễn- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ch, tỉnh K, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2022, về việc “ Tranh chấp xin ly hôn” , theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2022/QĐXX ST- HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2022 ; Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:*Chị **Trịnh Thị Bích T**, sinh năm 1995

Địa chỉ : ấp V, xã V, huyện Ch, tỉnh K

(Chị T có mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: Anh **Huỳnh Thanh L**, sinh năm 1989

Địa chỉ : ấp V, xã V, huyện Ch, tỉnh K.

(Anh L vắng mặt lần 2 không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15-02-2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích T trình bày: Chị và anh Huỳnh Thanh L thành lập gia đình với nhau vào năm 2011, trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã V huyện Ch, tỉnh K.

Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng thời gian về sau thì xảy ra mâu thuẫn và bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi không hợp nhau, nên từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, bản thân chị muôn duy trì cuộc hôn nhân này để chăm lo cho các con. Nhưng cố gắng không thành nếu cứ duy trì mãi thì chỉ gây mâu thuẫn kéo dài.

Nhận thấy tình nghĩa vợ chồng giữa chị và anh L không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục xây dựng gia đình hạnh phúc, nên chị T quyết định ly hôn với anh Huỳnh Thanh L.

Quá trình chung sống chị và anh L có 02 con chung Huỳnh Ngọc Nh, sinh ngày 09-10-2012 và Huỳnh Ngọc Tr, sinh ngày 03-5-2016, từ khi vợ chồng sống ly thân với nhau cho đến nay các con do anh L nuôi dưỡng.

Về tài sản chung : Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung : Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Trịnh Thị Bích T có yêu cầu:

- Về hôn nhân: Xin ly hôn với anh Huỳnh Thanh L.
- Về con chung: Đồng ý giao 02 con chung Huỳnh Ngọc Nh, sinh ngày 09-10-2012 và Huỳnh Ngọc Tr, sinh ngày 03-5-2016 cho anh L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, chị T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Huỳnh Thanh L đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng anh L đều không có mặt.

Tại phiên tòa chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh L. Anh L vắng mặt không lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Trịnh Thị Bích T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Nguyên đơn chị Trịnh Thị Bích T khởi kiện tranh chấp xin ly hôn với bị đơn anh Huỳnh Thanh L hộ khẩu thường trú ấp V, xã V, huyện Ch, tỉnh K. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ch, tỉnh K.

Anh Huỳnh Thanh L chưa có ý kiến xác nhận theo đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Trịnh Thị Bích T, Tòa án đã làm đầy đủ thủ tục theo quy định của bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh L vẫn vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xử vắng mặt bị đơn. Do vậy, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt anh L là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trịnh Thị Bích T và anh Huỳnh Thanh L kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Có đăng ký kết hôn năm 2014 tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, theo chị T nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi không hợp nhau, nên từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Sau đó chị T đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ đầu năm 2022 và cũng từ thời gian đó vợ chồng chị đã sống ly thân với nhau cho đến nay.

Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng (BL số: 37) trình bày : “... anh L và chị T không còn sống chung với nhau nữa. Tình trạng vợ chồng của anh L và chị T đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng không thể sống chung với nhau được nữa; Tòa án có đến nhà tổng đạt các văn bản cho L, tôi có nhận thay và báo lại cho L biết việc vợ L xin ly hôn với L nhưng L nói không đến Tòa án yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật “.

Tại bút lục (số : 38) biên bản lấy lời khai người làm chứng : “ ... Chính quyền địa phương nắm được hiện nay giữa anh L và chị T không còn sống chung với nhau nữa, mâu thuẫn trầm trọng...”

Thực tế chị T và anh L đã sống ly thân với nhau trong thời gian dài, không ai quan tâm đến ai. Quá trình giải quyết vụ án, anh L không có mặt theo thông báo

để Tòa án tiến hành hòa giải, thể hiện anh không có thiện chí để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng và tại phiên tòa hôm nay mặc dù anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng anh L vẫn vắng mặt không lý do. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T và anh L đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L để ổn định cuộc sống. Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trịnh Thị Bích T, xử cho chị T được ly hôn anh Huỳnh Thanh L là hoàn toàn phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] *Về quan hệ con chung*: Chị Trịnh Thị Bích T xác nhận trong thời gian chung sống chị và anh L có 02 con chung Huỳnh Ngọc Nh, sinh ngày 09-10-2012 và Huỳnh Ngọc Tr, sinh ngày 03-5-2016, từ khi vợ chồng sống ly thân với nhau cho đến nay các con do anh L nuôi dưỡng. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị T đồng ý giao 02 con chung Huỳnh Ngọc Nh, sinh ngày 09-10-2012 và Huỳnh Ngọc Tr, sinh ngày 03-5-2016 cho anh L tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị T không có khả năng cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, Tuy anh L chưa có ý kiến về việc nuôi con chung nhưng trong thời gian chị T và anh L sống ly thân với nhau cho đến nay hai con do anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và đảm bảo tốt về mọi mặt. Các cháu được anh L cho đi học và cũng được gia đình anh L hỗ trợ chăm sóc tốt. Xét về mặt tình cảm các cháu khắn khít với anh L Nhiều hơn, đồng thời các cháu cũng đã thích nghi với điều kiện, hoàn cảnh sống của gia đình anh L (sự việc này chị T cũng thừa nhận tại phiên tòa). Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ kiện tại Tòa án (tại bút lục số: 25 biên bản ghi nhận ý kiến con chưa thành niên ngày 01-4-2022) thì cháu Huỳnh Ngọc Nh, sinh ngày 09-10-2012 có nguyện vọng được sống với cha. Vì vậy, để đảm bảo về mặt tâm lý và cuộc sống ổn định hiện tại của các cháu, Hội đồng xét xử nghĩ nên xử giao 02 cháu: Huỳnh Ngọc Nh, sinh ngày 09-10-2012 và Huỳnh Ngọc Tr, sinh ngày 03-5-2016 cho anh L tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do anh L vắng mặt tất cả các giai đoạn tố tụng tại Tòa án nên và cũng không có ý kiến bằng văn bản theo quy định của pháp luật về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này anh L có yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con thì sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh L theo quy định pháp luật nhưng anh L vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy Tòa án không tiến hành hoà giải, đối chất về tài sản chung và nợ chung giữa chị T và anh L. Mặt khác, trong quá trình giải vụ án tại Tòa án cũng như tại phiên toà chị T xác nhận trong thời gian chung sống cùng anh L anh chị không tạo lập được tài sản chung và cũng không nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên về phần tài sản chung và nợ chung Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[5] Thống nhất ý kiến của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án như đã phân tích và nhận định trên.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị Trịnh Thị Bích T là nguyên đơn do đó phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trịnh Thị Bích T và anh Huỳnh Thanh L.

2. Về con chung: Xử giao 02 con Huỳnh Ngọc Nh, sinh ngày 09-10-2012 và Huỳnh Ngọc Tr, sinh ngày 03-5-2016 cho anh Huỳnh Thanh L tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng (phù hợp với nguyện vọng của con).

Chị Trịnh Thị Bích T có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Trịnh Thị Bích T phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng chị T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0001083 ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ch, tỉnh K; chị T không phải nộp thêm.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

5. Bảo quyền kháng cáo: Chị Trịnh Thị Bích T có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Huỳnh Thanh L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhân:

- Các đ- ơng sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Viện Kiểm sát huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành
- L- u hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thúy Hằng

